TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02- 2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc

2. Ông Nguyễn Văn Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Tú T**, sinh năm 19976; Địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nơi ở hiện nay: Tổ 10, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Chí H**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 và quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đỗ Thị Tú T trình bày:

Chị và anh Lê Chí H chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 25-5-2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh H sống chung tại nhà cha mẹ ruột chị tại ấp X, xã T. Khi sinh con chị cắt chuyển hộ khẩu của chị từ xã T nhập chung hộ khẩu với anh H tại ấp 3, xã P để làm giấy khai sinh cho con;

nhưng hiện tại chị vẫn sống tại ấp C, xã T.

Thời gian chung sống đến tháng 6 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Hiếu thường xuyên uống rượu say, về quậy phá chị và gia đình nhiều lần. Có lần anh Hiếu uống rượu say về đánh cha ruột chị chảy máu ngực. Công an xã có làm việc, anh H cam kết không tái phạm và sửa chữa, 2 vợ chồng về sống lại với nhau.

Tháng 3-2018, anh H tiếp tục kiếm chuyện với chị và gây gổ với gia đình, anh bóp cổ cha chị, được mọi người can ngăn, anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã P sống và hiện nay đã bỏ địa phương đi, vợ chồng ly thân nhau cho đến nay.

Sau khi chị nộp đơn ly hôn anh chị có liên lạc với nhau qua điện thoại, anh H có hứa hẹn về Tòa án ký đơn ly hôn nhưng không về. Đến ngày 26/12/2018 âm lịch, anh H có về thăm con nhưng vợ chồng không gặp nhau, anh H cũng không cung cấp địa chỉ nơi ở mới. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Lê Minh H, sinh ngày 18-7-2016. Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu H sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có nợ ai.

* Anh Lê Chí H không đến Tòa án, không cung cấp bản khai nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung đề nghị giao chị T tiếp tục chăm sóc. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung, chị T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

Án phí: Chị T chịu theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi

ở mới cho chị T và Tòa án nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 25-5-2017 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi đánh đập lẫn nhau, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tháng 03/2018, anh gây gổ đánh nhau với cha vợ, có công an xã can thiệp, từ đó anh bỏ về nhà cha ruột sống tại ấp 3, xã P sống và bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho chị T và gia đình. Thời gian ly thân từ tháng 03/2018 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Kết quả xác minh ở địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là sự thật. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung là Lê Minh H, sinh ngày 18-7-2016. Từ khi anh chị ly thân, cháu H trực tiếp sống chung với chị T đến nay, tâm tư tình cảm cháu gắn liền với chị T, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản, về nợ chung chị khai không có nợ ai, anh H không có lời trình bày, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không xem xét.

Đối với anh H. Qúa trình tham gia tố tụng anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tú T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tú T được ly hôn với anh Lê Chí H.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Minh H, sinh ngày 18-7-2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Trinh không yêu cầu.

Anh H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

3.Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018959 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Thu